

NGÔN NGỮ VÀ VĂN HOÁ

BÀN VỀ HỌ GHEP VÀ HỌ KÉP TRONG TÊN NGƯỜI HÁN VÀ NGƯỜI VIỆT

MÔNG LÂM

(Đại học Ngoại ngữ - Ngoại thương, Quảng Đông, Trung Quốc)

Tên người, hay còn gọi là nhân danh, là một từ hoặc nhóm danh từ đặc biệt dùng để chỉ một cá nhân, cá thể nhằm phân biệt với những cá nhân, cá thể khác. Nó thường mang tính đặc biệt, tính duy nhất, tính đánh dấu và tính thời đại một cách rõ nét. Tên người thường bao gồm hai yếu tố là họ và tên chính (tên người Việt thì còn bao gồm cả tên đệm).

Vậy họ là gì? Theo tác giả Lê Trung Hoa, họ vốn chỉ một tập hợp người cùng tổ tiên, cùng một dòng máu. Về sau, họ được dùng để chỉ các tiếng đặt trước tên đệm và tên chính, dùng chung cho những người cùng một tông tộc để phân biệt với những người của họ khác.

Như đã biết, trong tên người Hán cũng như tên người Việt, Nhật Bản và Hàn Quốc..., họ đứng ở vị trí đầu tiên trong cấu trúc: họ + (tên đệm) + tên cá nhân (tên chính). Xét cho cùng, có thể chứng minh huyết thống của một người nào đó. Cho nên, họ chiếm một vị trí hết sức quan trọng trong tên người Hán và tên người Việt xưa và nay.

Trong tiếng Hán, họ được gọi là 姓, tức là 女 (nữ) và 生 (sinh), có nghĩa là “女所生也” (Phụ nữ sinh ra con). Những dòng họ cổ nhất của Trung Quốc, như 姬 (Cơ), 姚 (Diêu), 姒 (Tự), 嬴 (Doanh) v.v...đều có chữ 女. Lúc bấy giờ chỉ có phụ nữ mới có họ, còn đàn ông thì chỉ có 氏 (thị). Đây chính là nguồn gốc của họ người Hán.

Đối với người Trung Quốc, trong đó phần lớn là người Hán, họ gồm có họ đơn, họ kép và họ ghép. Trong đó, họ đơn chiếm tỉ lệ cao nhất. Theo Bách Gia Tinh, một cuốn sách đời Bắc Tống chuyên giới thiệu về họ, người Hán có 504 họ, trong đó gồm 444 họ đơn với tỷ lệ 88.09% và 60 họ kép, chiếm 11.91%. Lúc đó, họ ghép chưa xuất hiện trong tên người.

Còn đối với người Việt, họ đơn cũng giữ một vị trí quan trọng nhất trong các loại họ tên người, vì theo số liệu thống kê, người Việt có 163 họ đơn, còn họ kép và họ ghép thì chỉ chiếm một tỉ lệ rất thấp. Thực ra cho đến nay, xung quanh vấn đề họ kép của người Việt, ý kiến vẫn chưa được thống nhất. Một số quan điểm cho rằng, người Việt không có họ kép, nhưng tác giả Lê Trung Hoa lại quả quyết rằng: người Việt có cả họ kép và họ ghép.

Trong tên người Việt, họ kép thường là tổ hợp hai âm tiết (có khi cũng có thể là 3, 4 âm tiết) dùng để gọi tên cho một dòng họ duy nhất và xác định với cấu trúc chặt chẽ tạo thành một khối vững chắc. Trong đó, yếu tố thứ nhất thường là những họ đơn có sẵn, còn yếu tố thứ hai thì là một yếu tố nào đó dùng để phân biệt họ đồng âm hoặc các chi trong một dòng họ lớn. Chính vì vậy, họ kép thường có cấu trúc tương đối chặt chẽ mà không thể thay thế hoặc hoán đổi vị trí của bất cứ thành tố nào trong kết cấu đó. Chẳng hạn như trong họ kép Nguyễn Đức, Nguyễn Công, Nguyễn Thế, Nguyễn Khoa... mấy yếu tố Đức, Công, Thế và Khoa chủ yếu dùng để khu biệt các chi ngành trong một dòng họ lớn là Nguyễn. Cũng tương tự như vậy, khi muốn phân biệt chi họ này với chi họ khác trong một dòng họ lớn như Tôn, người ta thường lấy tên đệm của chi trưởng để kết hợp với họ đơn có sẵn mà tạo nên một họ kép mới như Tôn Gia, Tôn Quang, Tôn Tích...

Bên cạnh đó, trong số những họ kép của người Việt, chúng ta không khó để tìm thấy một số họ kép với kết cấu càng chặt chẽ hơn, đó chính là Tôn Thất, Tôn Nữ, Công Tăng Tôn Nữ và Công Huyền Tôn Nữ... Ngày xưa, những người trong hoàng tộc (con cháu của Vua Gia Long) đều được đặt tên một cách đặc biệt theo các bài Phiên hệ và Đế hệ thi. Những người trong họ Nguyễn Phước khi trước

mà không phải là dòng của Gia Long đều nhất loạt đổi sang họ Tôn Thất với đúng ý nghĩa của từ này. Con gái của họ Tôn Thất thì được gọi là Tôn Nữ gì đó. Ngoài ra, vua Minh Mạng đã định ra chính hệ từ đời vua Gia Long trở về sau, còn con cháu các chúa Nguyễn thì được xếp vào hệ Tôn Thất (Tôn Nữ). Từ năm Minh Mạng thứ 3 thì những người trong Hoàng tộc bắt đầu được thay tên là Tôn Thất thay cho họ Nguyễn Phúc.

Khác với họ kép, họ ghép trong tên người Việt có kết cấu lỏng lẻo hơn. Họ ghép cũng là một tổ hợp đa âm tiết (phần lớn là 2 âm tiết), trong đó, yếu tố thứ nhất cũng do một họ đơn có sẵn đảm nhận, chỉ ra họ của bố, còn yếu tố thứ hai thì chỉ ra họ mẹ của người mang tên. Ví dụ như Trần Lê Oanh, Nguyễn Hoàng Minh, Vũ Phạm Thu Trang... Việc lắp ghép hai họ của bố mẹ để làm nên họ trong tên con như vậy mang tính xã hội tích cực. Nó đã góp phần khẳng định vai trò bình đẳng của phụ nữ trong cuộc sống cộng đồng.

Tuy nhiên, chúng tôi vẫn phải thừa nhận rằng, cấu trúc trong họ ghép không được chặt chẽ như họ kép. Nó chỉ được sử dụng trong một phạm vi rất hẹp. Nói một cách khác, họ ghép chỉ được duy trì trong tên họ của con, còn trong tên họ của cháu thì cấu trúc này sẽ bị thay đổi. Ví dụ như một người tên là Phạm Lê Dũng, Phạm Lê được coi như là một họ ghép, trong đó, Phạm là họ bố và Lê là họ mẹ. Nhưng đến thế hệ thứ 3, các con của anh này lại mang tên khác như Phạm Thị Nhung, Phạm Ngọc Phượng... Cái yếu tố thứ hai mà góp phần tạo ra họ ghép Phạm Lê đã bị xóa bỏ đi. Chính vì vậy, chúng ta có thể nhận thấy rằng họ ghép mang tính cá nhân hết sức rõ nét.

Họ kép và họ ghép ở Trung Quốc thường có lịch sử rất lâu đời. Theo số liệu thống kê, từ xưa đến nay Trung Quốc đã xuất hiện hơn 1500 họ kép và họ ghép, nhưng tùy theo quá trình phát triển của lịch sử, hiện nay chỉ còn tồn tại khoảng 200 họ mà thôi. Phần lớn những họ kép và họ ghép đã bị biến mất đi do sự diễn biến trong tên họ của người Trung Quốc, nhất là của người Hán.

Khác với họ kép trong tên người Việt, họ kép trong tên người Hán không nhất thiết là do hai họ đơn có sẵn cấu thành. Thông qua khảo sát 81 họ kép được sử dụng phổ biến nhất trong tên người Hán hiện nay, chúng tôi đã tìm thấy nguồn gốc của họ kép như sau:

1. Được vua chúa phong đất đai. Ví dụ như họ Lệnh Hồ, theo cuốn Bách Gia Tính, đời Chu có một đại tướng tên là Ngụy Khoá, vì lập nhiều chiến công lớn nên được nhà vua phong cho một mảnh đất đai tên là Lệnh Hồ. Sau đó, con cháu của Ngụy Khoá bắt đầu lấy Lệnh Hồ làm họ của mình. Những họ kép khác như Thượng Quan, Chung Ly, Lương Khuru v.v, đều có nguồn gốc tương tự như vậy.

2. Tập trung cư trú ở một nơi nào đó. Họ Đông Quách, Nam Môn, Tây Môn, Nam Cung... đều bắt nguồn từ tên của nơi cư trú.

3. Kế thừa quan chức, chức tước, tự hiệu... của ông cha. Chẳng hạn như Tư Mã, Tư Không, Tư Đồ, Thái Sử, Tả Khuru... đều là tên quan chức; Công Tôn, Trọng Tôn... thì là tên chức tước, còn Công Dương, Tử Dương thì là tự hiệu của ông cha. Những tên quan chức, chức tước và tự hiệu dần dần trở thành họ cố định của một gia tộc.

Do vậy, chúng ta có thể nhận thấy rằng, cấu trúc của họ kép loại này hết sức chặt chẽ, không thể tách ra khỏi hai yếu tố này. Ngoài ra, trong tên người Hán hiện nay, cũng tồn tại những họ kép như Trương Bao, Phạm Khương, Lưu Phó, Lai Trần, Tiền Vương và Lục Phí... Đây là một loại họ kép có lịch sử tương đối lâu đời với cấu trúc là hai họ đơn có sẵn liên kết với nhau, sau đó được giữ gìn một cách ổn định cho tới ngày nay. Nguyên nhân dẫn đến sự hình thành của họ kép loại này chủ yếu bao gồm:

1. Theo phong tục Trung Quốc, con trai là người con duy nhất để duy trì họ của gia tộc, vì con gái phải đổi họ theo người chồng sau khi đi lấy chồng. Cho nên nếu một gia đình không có con trai mà chỉ có con gái, thì phải lấy một con rể vào nhà mình. Sau đó, con cháu phải đặt tên theo họ mẹ, còn họ bố thì chỉ có thể đứng ở vị trí thứ hai. Ví dụ như Trương Bao, Trương là họ mẹ và Bao là họ bố. Họ kép này vẫn được sử dụng trong một số nơi ở tỉnh Triết Giang, Giang Tô và Phúc Kiến.

2. Người Trung Quốc cho rằng, một người đi làm con nuôi một nhà họ nào thì phải lấy họ của nhà ấy, và họ mình chỉ có thể đứng ở vị trí thứ hai. Vì người con nuôi cho dù là bao nhiêu tuổi vẫn sẽ thuộc về gia tộc người đứng nuôi, phải đổi họ người đứng nuôi và để họ mình tiếp theo. Ví dụ như một họ kép vẫn được sử dụng ở tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây là Lưu Phó, Lưu chính là họ của nhà đứng nuôi, còn Phó là họ mình.

3. Cũng có trường hợp là bố mẹ muốn tưởng nhớ hoặc tỏ lòng biết ơn một người nào đó, nên đặt họ người đó theo họ mình khi đặt tên cho con. Chẳng hạn như Lưu Hồ, Vương Châu, Hoàng An v.v...

Họ ghép trong tên người Trung Quốc là họ được cấu tạo từ hai họ đơn có sẵn liên kết lại với nhau trong đó họ đơn đứng ở vị trí thứ nhất chỉ ra họ của bố, còn họ đơn đứng ở vị trí thứ hai thì là họ mẹ. Như đã trình bày ở trên, điều này mang tính xã hội tích cực, vì nó góp phần thể hiện sự tôn trọng đối với phụ nữ, và nâng cao vị trí của phụ nữ trong cuộc sống cộng đồng. Đối với những bố mẹ trẻ, đặt tên cho con theo kiểu này đang trở thành một xu hướng thịnh hành trong xã hội Trung Quốc hiện nay. Tuy nhiên, họ ghép loại này chỉ có cấu trúc lỏng lẻo, mà không được duy trì một cách ổn định cho đời sau.

Ngoài ra, ở Trung Quốc xưa và nay cũng tồn tại một loại họ ghép tương đối đặc biệt. Theo phong tục cổ truyền Trung Quốc, người phụ nữ đi lấy chồng thì phải lấy cả họ của người chồng. Thế là một người vợ phải đổi tên sang cấu trúc như sau:

Họ chồng + họ bố + tên cá nhân của mình

Thậm chí trong một số gia đình nghèo mà không có học, người phụ nữ thường không có tên cá nhân chính thức, cho nên khi lấy chồng, người ta chỉ gọi họ bằng hai tên họ chồng và bố. Ví dụ: 张王氏--Trương Vương Thị, tức là con gái nhà họ Vương đã lấy chồng họ Trương, chữ Thị ở đây không có ý nghĩa gì, mà chỉ thay thế cho tên cá nhân của người phụ nữ đó.

Sau khi nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa được thành lập, để thể hiện sự tôn trọng đối với phụ nữ, chính phủ đã xóa bỏ phong tục này. Cho nên ở Trung Quốc Đại Lục, người phụ nữ dù đã lấy chồng nhưng vẫn có thể giữ nguyên họ của bố.

Song ở Đài Loan, Hồng Kông và Macau, với tư cách là nơi giữ gìn phong tục tập quán Trung Quốc một cách trọn vẹn, người ta vẫn gọi tên người vợ theo phong tục này. Chẳng hạn như mấy quan viên nữ nổi tiếng ở Hồng Kông: Phạm Từ Lệ Thái, Trần Phương An Sinh. Phạm và Trần là họ chồng, Từ và Phương là họ bố; Phạm Từ và Trần Phương ở đây đều có thể được coi là họ ghép.

Do vậy, chúng ta có thể nhận thấy rằng, họ kép và họ ghép trong tên người Hán và tên người Việt có cả điểm tương đồng và bất đồng. Trước hết, về

mặt điểm tương đồng: cả tên người Hán lẫn tên người Việt đều có họ kép và họ ghép. Mặc dù ở Việt Nam, xung quanh vấn đề họ kép, hiện nay vẫn còn nhiều tranh luận, nhưng chúng tôi cũng nhất trí rằng, người Việt có họ kép. Vì họ kép có cấu trúc tương đối chặt chẽ, những tên họ như Tôn Nữ, Tôn Thất, Nguyễn Tài, Nguyễn Công... đều là họ kép điển hình. Trong tên người Hán cũng như tên người Việt, họ kép đều có thể dùng để khu biệt dòng họ này với dòng họ khác, hoặc phân biệt chi ngành trong một dòng họ nào đó. Có thể nói, so với họ ghép, họ kép có cấu trúc chặt chẽ hơn, tính ổn định và tính phổ biến cao hơn, được sử dụng trong một phạm vi tương đối rộng rãi trong một thời gian lâu dài.

Bên cạnh đó, họ ghép trong tên người Hán và tên người Việt đều mang tính xã hội tích cực, vì nó đã thể hiện sự tôn trọng đối với phụ nữ trong cuộc sống cộng đồng. Họ ghép thường có cấu trúc tương đối lỏng lẻo, không được giữ gìn một cách ổn định cho thế hệ sau.

Tuy nhiên, ở khía cạnh khác, chúng ta có thể kết luận rằng: họ kép trong tên người Hán có tác dụng phong phú hơn và cấu trúc chặt chẽ hơn so với họ kép trong tên người Việt. Họ kép của người Việt chủ yếu dùng để khu biệt dòng họ hoặc chi ngành trong một dòng họ nào đó, nhưng họ kép của người Hán lại mang tác dụng phong phú hơn như thể hiện quan chức và chức tước của ông cha, và thậm chí thể hiện nơi cư trú ngày xưa của một dòng họ nào đó. Cấu trúc của họ kép người Hán cũng chặt chẽ hơn họ kép người Việt, vì nó không nhất thiết là do hai họ đơn có sẵn để cấu thành, cho nên chúng ta không hề tách ra khỏi những yếu tố trong họ kép người Hán.

Còn ở Việt Nam hiện nay, phần lớn các họ kép như Nguyễn Tài, Nguyễn Khoa, Tôn Gia và Tôn Tích... vẫn chưa được đăng ký chính thức trong các sổ hộ tịch của chính quyền địa phương. Nói một cách khác, những họ kép đó chưa được chính quyền thừa nhận. Cho nên nhận biết chúng chỉ có thể qua mối quan hệ giữa tên gọi và đối tượng được gọi tên. Mặt khác, vì phần lớn người Việt đều có tên đệm, cho nên trên thực tế thì việc nhận biết họ kép là rất khó khăn do chúng chưa có dấu hiệu rõ ràng để phân biệt họ kép với tên đệm.

Ví dụ cùng tên là Tôn Quang Hồng, ở người này Tôn Quang là một họ kép, còn ở người kia thì Nguyễn là họ đơn và Quang là tên đệm.

Nhưng đối với người Hán, việc nhận biết họ kép không phải là một chuyện quá khó khăn. Vì phần lớn người Hán đều không có tên đệm, cho nên trên thực tế chúng tôi cũng hiếm khi lẫn lộn họ kép với tên đệm.

Còn hình thức của họ ghép trong tên người Hán cũng phong phú và đa dạng hơn so với họ ghép trong tên người Việt. Ngoài cấu trúc *họ bố* + *họ mẹ* ra, người Hán còn có một loại họ ghép tương đối đặc biệt là *họ chồng* + *họ bố* chuyên dành cho những người phụ nữ đã đi lấy chồng. Loại họ ghép này vẫn được sử dụng một cách phổ biến ở Đài Loan, Hồng Kông và Macau. Cho nên có thể nói, họ ghép ở Trung Quốc Đại Lục có thể thể hiện vai trò bình đẳng của phụ nữ trong xã hội cộng đồng, còn họ ghép ở Đài Loan, Hồng Kông và Macau thì đã thể hiện phong tục truyền thống của Trung Quốc.

Chúng tôi quan niệm rằng, đối với người Hán và người Việt, không nghi ngờ gì nữa, sự xuất hiện của họ kép và họ ghép là một hiện tượng khách quan, có tính xã hội tích cực. Vì phần lớn người Hán và người Việt ta đều mang họ đơn, đây cũng chính là nguyên nhân dẫn đến tình trạng trùng tên một cách nghiêm trọng. Để tránh khỏi hiện tượng trùng tên trong xã hội hiện nay, việc sử dụng nhiều họ ghép đang trở thành một giải pháp hiệu quả nhất. Bên cạnh đó, nó còn góp phần thể hiện vai trò bình đẳng của phụ nữ trong cuộc sống cộng đồng hiện nay. Tuy nhiên, chúng ta vẫn phải thừa nhận rằng, đối với người Hán cũng như người Việt, họ ghép vẫn chưa có vị trí ổn định trong hệ thống tên người. So với họ đơn, các họ kép và họ ghép (trong đó, chủ yếu là họ ghép) có tính phổ biến tương đối thấp, chưa được cộng đồng chấp nhận để sử dụng như là họ có sẵn.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Trung Hoa, *Họ và tên người Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội Hà Nội, 1992.
2. Nguyễn Kim Thân, *Vài nét về tên người Việt*, T/C Dân Tộc Học, s4, 1975.
3. Bình Long, *Nghĩa tên riêng của người*, T/C Ngôn ngữ, số phụ, số 2, 1989.
4. Hoàng Tử Quân, *Tên gọi và cách gọi tên*, T/C Ngôn ngữ, số phụ, số 2, 1984.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 10-07-2010)

(**Phương thức so sánh tiếp theo trang 28**)

Sự tương đồng giữa cái được so sánh và cái so sánh trong ca khúc là sự tương quan giữa những cái thuộc con người, cụ thể là thể giới nội tâm, tinh thần của con người và những cái bên ngoài con người (những hiện tượng tự nhiên, những sự vật hiện tượng cụ thể hoặc trừu tượng). Nét độc đáo trong sự so sánh của Trịnh Công Sơn là ở chỗ ông đã so sánh tình yêu với những sự vật hiện tượng mà trong đời sống người ta ít hoặc thậm chí không bao giờ so sánh tình yêu với chúng. Chính điều này đã kích thích sự liên tưởng của người nghe và góp phần làm nên nét riêng trong phong cách ngôn ngữ của Trịnh Công Sơn.

Bằng so sánh trong **Tình sâu**, Trịnh Công Sơn đã mang đến cho người nghe những cảm nhận mới mẻ về tình yêu, dẫn dắt họ trải qua những cung bậc cảm xúc khác nhau của tình yêu, và cuối cùng khiến họ đồng tình với tác giả: dù hạnh phúc hay khổ đau, thì con người cũng không thể sống mà không yêu.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Bích Hạnh (2009), *Biểu tượng ngôn ngữ trong ca từ của Trịnh Công Sơn*, Nxb Khoa học xã hội, H.
2. Đinh Trọng Lạc (1998), *Phong cách học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, H.
3. Nguyễn Thế Lịch (1988), *Các yếu tố và cấu trúc so sánh nghệ thuật tiếng Việt*, số phụ của Tc. Ngôn ngữ.
4. Nguyễn Thị Loan (2009), *Quan niệm mỹ học trong ca từ và văn xuôi Trịnh Công Sơn*, Luận văn Thạc sĩ Ngữ văn - Chuyên ngành Lí luận văn học, ĐHSHPN.
5. Nhiều tác giả (2004), *Trịnh Công Sơn - người hát rong qua nhiều thế hệ*, Nxb Trẻ, H.
6. Hoàng Kim Ngọc (2001), *So sánh và ẩn dụ trong ca dao trữ tình*, Nxb KHXH, H.
7. Lê Minh Quốc (2006), *Trịnh Công Sơn - Rời lệ ru người*, Nxb Phụ nữ, H.
8. Cù Đình Tú (1983), *Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt*, Nxb ĐH&THCN, H.
9. <http://www.tcs-home.org>

(Ban Biên tập nhận bài ngày 10-06-2010)